TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆNTHANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:22/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 6 năm 2019
V/v: *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Hồng Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Minh Tuân** và bà **Vương Thị Thu**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ:* Bà **Nguyễn Phương Linh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2019 /TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự;

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thanh T -** Sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu 4, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện tại: Khu 11, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh **Đào Tiến H** - Sinh năm 1988

Địa chỉ: Khu 4, xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Chị **Nguyễn Thị Thanh T** vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án đã có lời khai trình bày yêu cầu và quan điểm như sau:

- Chị với anh Đào Tiến H tự nguyện kết hôn với nhau ngày 13/5/2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống chung cùng với gia đình anh H. Vợ chồng chung sống hòa thuận cho đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuân, nguyên nhân là do anh H chơi bời cờ bạc và có mối quan hệ với người phụ nự khác dẫn đến vợ chồng thường xảy ra va

chạm, cãi chửi nhau, cuộc sống chung không còn được hòa thuận hạnh phúc và vợ chồng đã phải sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, không còn quan tâm trách nhiệm gì đến nhau nữa. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm của chị với anh H không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đào Tiến H.

- Về con chung: Chị và anh H có 2 con chung là Đào Tiến Q - Sinh ngày 16/11/2008 và Đào Tiến M - Sinh ngày 15/5/2013, cả hai con chung hiện đều đang ở cùng với bố mẹ đẻ anh H. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là Đào Tiến M và không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình và các vấn đề khác chị và anh Đào Tiến H không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Quá trình Tòa án giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn là anh **Đào Tiến H** trình bày:

- Anh xác nhận về thời gian, thủ tục kết hôn và thời gian vợ chồng chung sống đúng như chị T đã trình bày. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu, không tin tưởng nhau và bất đồng quan điểm sống nên hay xảy ra cãi cọ, xích mích và cho đến tháng 11/2015, anh và chị H đã chính thức sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không còn nên anh cũng yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T.

- Về con chung: Anh và chị T có với nhau 02 con chung đúng như chị T đã trình bày. Cả hai con chung đều đang ở cùng với anh cùng bố mẹ đẻ anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác anh và chị T không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Do nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy việc xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Đào Tiến H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn, do vậy hôn nhân giữa chị T và anh H là hợp pháp. Quá trình chung sống, do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có sự tin tưởng đối với nhau là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, cả hai lại không có biện pháp tích cực nào để cùng nhau giải quyết bất đồng dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng và đã phải sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay. Như vậy,

trên thực tế vợ chồng đã không còn sống chung, cũng không còn nghĩa vụ thương yêu, quan tâm chăm sóc nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu được ly hôn của chị T và anh H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận.

[3]. Về con chung: Chị T và anh H đã có với nhau 02 con chung, hiện đều đang ở với anh H và gia đình anh H. Qua xác minh tại địa phương thì con chung chủ yếu do mẹ anh H chăm sóc. Xét nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của hai bên là hoàn toàn chính đáng, xuất phát từ tình cảm, trách nhiệm của người cha, người mẹ đối với con của mình và cả hai cũng có đủ những điều kiện nhất định để trực tiếp nuôi dưỡng con. Tuy nhiên, nếu giao cả 02 con chung cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng thì sẽ có nhiều khó khăn trong việc chăm sóc, giáo dục, vì vậy để giảm bớt khó khăn cho mỗi bên và cho con chung có được sự chăm sóc nuôi dưỡng đầy đủ nhất, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của con chung nên giao cho mỗi người được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung sau ly hôn. Do cháu thứ hai vẫn còn nhỏ nên cần được sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ vì vậy giao cháu Đào Tiến M cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, còn anh H sẽ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Đào Tiến Q là phù hợp.

Do mỗi bên đều được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung vì vậy không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình và các vấn đề khác chị T và anh H đều xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5]. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba đã phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, anh H; đề nghị giao cho chị T, anh H mỗi người trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử**: Cho chị **Nguyễn Thị Thanh T** và anh **Đào Tiến H** được ly hôn.

- Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là cháu **Đào Tiến M** - Sinh ngày 15/5/2013.

Giao cho anh Đào Tiến H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 01 con chung là cháu **Đào Tiến Q** - Sinh ngày 26/11/2008 (cả 02 con chung hiện đều đang ở với anh H và gia đình anh H). Không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, hai bên đều có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, vay nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình và các vấn đề khác không có nên không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000.đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba theo biên lai thu số AA/2016/0001598 ngày 19/3/2019.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND huyện; tỉnh;
- UBND xã L;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- L- u hồ sơ, án văn

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Tạ Hồng Tuấn